

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA
CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA
2026.10.28
09:55:38+07'00'

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

QUÝ 3 CỦA NĂM TÀI CHÍNH
KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2026

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT
YẾN SÀO KHÁNH HÒA



MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Thông tin chung	2 - 3
3. Báo cáo của Hội đồng quản trị	4
4. Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ tại ngày 30 tháng 9 năm 2026	5 - 8
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026	9
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026	10 - 11
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026	12 - 42

THÔNG TIN CHUNG

Khái quát về Công ty

Công ty là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ công ty Nhà nước là Công ty TNHH Một thành viên Nước giải khát cao cấp Yến sào Diên Khánh theo Quyết định số 05/QĐ-UBND ngày 05 tháng 01 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

Trước đó, Công ty TNHH Một thành viên Nước giải khát cao cấp Yến sào Diên Khánh được thành lập theo Quyết định số 2150/QĐ-YS ngày 15 tháng 11 năm 2014 của Hội đồng thành viên Công ty TNHH Nhà nước Một thành viên Yến sào Khánh Hòa và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4201624478, đăng ký lần đầu ngày 03 tháng 12 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp.

Công ty Cổ phần Nước giải khát Yến sào Khánh Hòa chính thức hoạt động theo:

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4201624478 dưới hình thức công ty cổ phần kể từ ngày 09 tháng 9 năm 2016, điều chỉnh lần thứ nhất ngày 09 tháng 9 năm 2016 và đăng ký thay đổi lần thứ năm ngày 12 tháng 5 năm 2026 do Sở Tài chính tỉnh Khánh Hòa cấp;
- Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mã dự án số 8277434113, chứng nhận lần đầu ngày 21 tháng 02 năm 2022.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : Quốc lộ 1, xã Suối Hiệp, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
- Điện thoại : 0258 3745 601
- Fax : 0258 3745 605

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Nhà máy Chế biến Nguyên liệu Yến sào Sanvinest Khánh Hòa	Lô TP4, cụm công nghiệp Sông Cầu, xã Khánh Vĩnh, tỉnh Khánh Hòa
Văn phòng đại diện	Lô 7-9 Đường Trần Hữu Duyệt, 84 đường Đàm Quang Trung, khu đô thị Vĩnh Diêm Trung A, phường Tây Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa
Cửa hàng số 68 Hoàng Diệu - Nha Trang	Số 68 Hoàng Diệu, phường Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa
Trung tâm giới thiệu sản phẩm Yến sào Sanvinest	Số 14 Trần Hưng Đạo, phường Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa
Cửa hàng Yến sào Suối Hiệp	Quốc lộ 1, xã Suối Hiệp, tỉnh Khánh Hòa
Trung tâm giới thiệu sản phẩm Yến sào Sanvinest	Lô TP4, cụm công nghiệp Sông Cầu, xã Khánh Vĩnh, tỉnh Khánh Hòa

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là mua bán, chế biến các sản phẩm và thực phẩm chức năng từ yến sào.

Hội đồng quản trị

Các thành viên Hội đồng quản trị của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ	
Ông Lê Đức Tiến	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2026
Ông Nguyễn Khoa Bảo	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2026
Bà Phan Thị Giang	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2026
Bà Vương Phạm Phương Thanh	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2026
Bà Phạm Thị Thu Huyền	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2026
Ông Huỳnh Đức Trọng	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2026
Ông Lê Hồng Thuận	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2026

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

Ban kiểm soát

Các thành viên Ban kiểm soát của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ	
Bà Huỳnh Thị Trần Lê	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2026
Bà Vũ Trần Nguyên Minh	Trưởng ban	Miễn nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2026
Ông Phạm Duy Hưng	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2026
Ông Hồ Hải	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2026

Ban Điều hành

Các thành viên Ban điều hành của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ	
Bà Phan Thị Giang	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 11 tháng 7 năm 2024
Ông Phạm Quốc Hùng	Phó Tổng Giám đốc thường trực	Bổ nhiệm ngày 11 tháng 7 năm 2024
Bà Phạm Thị Thu Huyền	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 11 tháng 7 năm 2024
Bà Phạm Thị Duy Trinh	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 11 tháng 7 năm 2024

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ	
Ông Lê Đức Tiến	Chủ tịch Hội đồng quản trị	Từ ngày 24 tháng 4 năm 2026
Ông Nguyễn Khoa Bảo	Chủ tịch Hội đồng quản trị	Đến ngày 24 tháng 4 năm 2026

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Nước giải khát Yến sào Khánh Hòa (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026.

Trách nhiệm của Ban Điều hành

Ban Điều hành chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Điều hành phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Ban Điều hành đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Điều hành cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Điều hành cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công bố của Hội đồng quản trị

Theo ý kiến của Hội đồng quản trị, Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 9 năm 2026, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt Hội đồng quản trị,



Lê Đức Tiên
Chủ tịch Hội đồng quản trị
Người đại diện theo pháp luật

Ngày 28 tháng 10 năm 2026

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1, xã Suối Hiệp, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2026

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		510,521,700,090	524,497,974,974
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	59,354,592,256	89,273,488,463
1. Tiền	111		39,354,592,256	62,586,902,574
2. Các khoản tương đương tiền	112		20,000,000,000	26,686,585,889
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		54,715,929,794	69,848,623,723
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	54,715,929,794	69,848,623,723
4. Dự phòng đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	124		-	-
5. Đầu tư ngắn hạn khác	125		-	-
6. Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư ngắn hạn khác	126		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		87,216,890,863	21,782,330,201
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	68,792,655,027	13,625,850,952
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	8,879,211,790	3,882,470,319
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu ngắn hạn khác	135	V.5a	9,545,024,046	4,274,008,930
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	136		-	-
7. Tài sản thiếu chờ xử lý	137		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		294,948,271,023	333,065,593,977
1. Hàng tồn kho	141	V.6	294,948,271,023	333,065,593,977
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản sinh học ngắn hạn	150		-	-
1. Súc vật nuôi lấy sản phẩm một lần ngắn hạn	151		-	-
2. Cây trồng theo mùa vụ hoặc lấy sản phẩm một lần ngắn hạn	152		-	-
3. Dự phòng tổn thất tài sản sinh học ngắn hạn	153		-	-
VI. Tài sản ngắn hạn khác	160		14,286,016,154	10,527,938,610
1. Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn	161	V.7a	552,652,067	373,172,594
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	162		3,276,498,517	1,820,644,041
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	163	V.13	10,456,865,570	8,334,121,975
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	164		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	165		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1, xã Suối Hiệp, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		172,400,812,485	177,721,455,222
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	182,000,000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu dài hạn khác	215	V.5b	-	182,000,000
6. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	216		-	-
II. Tài sản cố định	220		100,196,257,790	106,068,138,798
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	94,196,401,075	100,632,567,798
- Nguyên giá	222		245,284,153,277	239,503,081,641
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(151,087,752,202)	(138,870,513,843)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	5,999,856,715	5,435,571,000
- Nguyên giá	228		6,519,048,273	5,660,571,000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(519,191,558)	(225,000,000)
III. Tài sản sinh học dài hạn	230		-	-
1. Súc vật nuôi cho sản phẩm định kỳ	231		-	-
Súc vật nuôi cho sản phẩm định kỳ chưa đến giai đoạn trưởng thành				
a) thành	232		-	-
b) Súc vật nuôi cho sản phẩm định kỳ đến giai đoạn trưởng thành	233		-	-
- Nguyên giá	234		-	-
- Giá trị khấu hao lũy kế	235		-	-
2. Súc vật nuôi lấy sản phẩm một lần dài hạn	236		-	-
3. Cây trồng theo mùa vụ hoặc lấy sản phẩm một lần dài hạn	237		-	-
4. Dự phòng tổn thất tài sản sinh học dài hạn	238		-	-
IV. Bất động sản đầu tư	240		-	-
- Nguyên giá	241		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
V. Tài sản dở dang dài hạn	250		30,594,621,757	24,901,927,124
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	251		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	252	V.10	30,594,621,757	24,901,927,124
VI. Đầu tư tài chính dài hạn	260		9,000,000,000	9,000,000,000
1. Đầu tư vào công ty con	261	V.2b	9,000,000,000	9,000,000,000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	262		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	263		-	-
4. Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác dài hạn	264		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	265		-	-
6. Dự phòng đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn	266		-	-
VII. Tài sản dài hạn khác	270		32,609,932,938	37,569,389,300
1. Chi phí chờ phân bổ dài hạn	271	V.7b	32,609,932,938	37,569,389,300
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	272		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	273		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	274		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	280		682,922,512,575	702,219,430,196

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1, xã Suối Hiệp, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		298,130,200,618	315,875,935,094
I. Nợ ngắn hạn	310		298,130,200,618	315,875,935,094
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	113,983,013,721	128,005,488,903
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.12	600,904,924	32,094,760,773
3. Phải trả cổ tức, lợi nhuận	313		2,862,581	2,862,581
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.13	564,984,972	-
5. Phải trả người lao động	315	V.14	61,894,777,113	40,923,286,168
6. Chi phí phải trả ngắn hạn	316	V.15	13,081,749,378	7,656,611,201
7. Phải trả nội bộ ngắn hạn	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Doanh thu chờ phân bổ ngắn hạn	319		-	-
10. Phải trả ngắn hạn khác	320	V.16	8,355,206,231	3,987,225,261
11. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	321	V.17	96,651,098,076	98,324,694,197
12. Dự phòng phải trả ngắn hạn	322		-	-
13. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.18	2,995,603,622	4,881,006,010
14. Quỹ bình ổn giá	324		-	-
15. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	325		-	-
II. Nợ dài hạn	330		-	-
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước dài hạn	333		-	-
4. Chi phí phải trả dài hạn	334		-	-
5. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	335		-	-
6. Phải trả nội bộ dài hạn	336		-	-
7. Doanh thu chờ phân bổ dài hạn	337		-	-
8. Phải trả dài hạn khác	338		-	-
9. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	339		-	-
10. Trái phiếu chuyển đổi	340		-	-
11. Cổ phiếu ưu đãi	341		-	-
12. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	342		-	-
13. Dự phòng phải trả dài hạn	343		-	-
14. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	344		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1, xã Suối Hiệp, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		384,792,311,957	386,343,495,102
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		230,000,000,000	230,000,000,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a	V.19	230,000,000,000	230,000,000,000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn	412	V.19	3,350,161,370	3,350,161,370
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu mua lại của chính mình	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.19	97,882,321,248	84,467,552,496
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.19	53,559,829,339	68,525,781,236
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	420a		1,522,151,233	68,525,781,236
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	420b		52,037,678,106	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		682,922,512,575	702,219,430,196

Phê duyệt, ngày 28 tháng 10 năm 2026




Phạm Thị Duy Trinh
Người lập biểu/Kế toán trưởng


Phan Thị Giang
Tổng Giám đốc


Lê Đức Tiến
Chủ tịch Hội đồng quản trị
Người đại diện theo pháp luật

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ
(Dạng đầy đủ)

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 3		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	263,809,816,635	219,101,116,920	1,043,611,708,612	894,843,676,823
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		263,809,816,635	219,101,116,920	1,043,611,708,612	894,843,676,823
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	219,498,530,643	180,839,794,718	866,907,288,962	720,228,680,378
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		44,311,285,992	38,261,322,202	176,704,419,650	174,614,996,445
6. Lãi/lỗ của hoạt động bán, thanh lý bất động sản đầu tư	21		-	-	-	-
7. Doanh thu hoạt động tài chính	22	VI.3	2,269,433,085	1,076,345,144	8,075,203,429	4,959,076,398
8. Chi phí tài chính	23	VI.4	1,805,667,579	2,159,180,049	5,433,643,582	6,508,971,488
Trong đó: chi phí đi vay	24		1,799,059,938	2,159,180,049	5,241,654,475	5,754,317,600
9. Chi phí bán hàng	25	VI.5	19,855,111,185	14,189,950,293	72,452,103,497	69,668,442,233
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	11,363,080,599	10,162,988,754	42,925,379,560	39,916,402,617
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		13,556,859,714	12,825,548,250	63,968,496,440	63,480,256,505
12. Thu nhập khác	31	VI.7	1,942,838,123	35,609,047	2,359,320,735	394,485,187
13. Chi phí khác	32	VI.8	27,080,078	59,225,234	75,412,633	439,411,390
14. Lợi nhuận khác	40		1,915,758,045	(23,616,187)	2,283,908,102	(44,926,203)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		15,472,617,759	12,801,932,063	66,252,404,542	63,435,330,302
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.13	4,347,751,182	2,461,903,297	14,214,726,436	12,722,073,657
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-	-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		11,124,866,577	10,340,028,766	52,037,678,106	50,713,256,645
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9				
20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.9				

Phạm Thị Duy Trinh
Người lập biểu/Kế toán trưởng

Phan Thị Giang
Tổng Giám đốc

Phê duyệt, ngày 28 tháng 10 năm 2026

Lê Đức Tiến
Chủ tịch Hội đồng quản trị
Người đại diện theo pháp luật

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1, xã Suối Hiệp, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU		Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh						
1.	Lợi nhuận trước thuế	01		66,252,404,542		63,435,330,302
2.	Điều chỉnh cho các khoản:					
-	Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.8, V.9	12,722,372,773		12,765,121,772
-	Các khoản dự phòng	03		-		-
-	Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-		-
-	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư, tài chính	05	VI.3	(8,020,274,982)		(4,710,666,447)
-	Chi phí đi vay	06	VI.4	5,241,654,475		5,754,317,600
-	Các khoản điều chỉnh khác	07		-		-
3.	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		76,196,156,808		77,244,103,227
-	Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(63,206,659,445)		140,846,861,927
-	Tăng, giảm hàng tồn kho	10	V.6	38,117,322,954		(67,444,196,339)
-	Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(13,956,956,767)		(101,334,225,040)
-	Tăng, giảm chi phí chờ phân bổ	12		4,779,976,889		18,325,918,105
-	Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-		-
-	Chi phí đi vay đã trả	14	VI.4	(5,241,654,475)		(5,754,317,600)
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.13	(14,559,791,788)		(15,569,232,438)
-	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	V.18	1,400,000		-
-	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.18	(9,935,663,639)		(6,710,030,651)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		12,194,130,537		39,604,881,191
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư						
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.4, V.8, V.10, V.15	(16,281,423,471)		(21,152,487,018)
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-		-
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	V.2a	(30,000,000,000)		(12,000,000,000)
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	V.2a	44,401,710,767		15,500,000,000
5.	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-		-
6.	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-		-
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.2a, V.5a, VI.3	6,980,282,081		4,896,641,700
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		5,100,569,377		(12,755,845,318)

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1, xã Suối Hiệp, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.17	259,643,165,441	446,303,153,053
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.17	(261,316,761,562)	(414,533,530,597)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.19	(45,540,000,000)	(42,090,000,000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(47,213,596,121)	(10,320,377,544)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(29,918,896,207)	16,528,658,329
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	89,273,488,463	104,792,500,634
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	59,354,592,256	121,321,158,963

Phê duyệt, ngày 28 tháng 10 năm 2026

Phạm Thị Duy Trinh
Người lập biểu/Kế toán trưởng

Phan Thị Giang
Tổng Giám đốc

Lê Đức Tiến
Chủ tịch Hội đồng quản trị
Người đại diện theo pháp luật

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1, xã Suối Hiệp, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Nước giải khát Yến sào Khánh Hòa (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: chế biến các sản phẩm và thực phẩm chức năng từ yến sào.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Công ty

Công ty con

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH MTV Cung ứng Vật tư Nguyên liệu Khánh Hòa	Vĩnh Cát, xã Suối Hiệp, tỉnh Khánh Hòa	Bán buôn tổ yến và các sản phẩm từ tổ yến, nuôi chim yến
Công ty TNHH MTV Nhà máy Nước giải khát cao cấp Yến sào Khánh Hòa	Lô NM5, NM6 đường số 1, cụm Công nghiệp Sông Cầu, xã Khánh Vĩnh, tỉnh Khánh Hòa	Chế biến các sản phẩm và thực phẩm chức năng từ yến
Công ty TNHH MTV Yến sào Sanvinest Việt Nam	Quốc lộ 1A, thôn Cư Thạnh, xã Suối Hiệp, tỉnh Khánh Hòa	Bán buôn tổ yến và các sản phẩm từ tổ yến
Công ty TNHH MTV Yến sào Sanvinest Khánh Hòa	Quốc lộ 1A, thôn Cư Thạnh, xã Suối Hiệp, tỉnh Khánh Hòa	Bán buôn tổ yến và các sản phẩm từ tổ yến

Tỷ lệ đăng ký vốn góp tại các công ty con này là 100%. Tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ quyền biểu quyết tương ứng tỷ lệ vốn góp.

Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

Tên đơn vị	Địa chỉ
Nhà máy Chế biến Nguyên liệu Yến sào Sanvinest Khánh Hòa	Lô TP4, cụm công nghiệp Sông Cầu, xã Khánh Vĩnh, tỉnh Khánh Hòa

Các Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân, không có tổ chức kế toán

Tên đơn vị	Địa chỉ
Văn phòng đại diện	Lô 7-9 Đường Trần Hữu Duyệt, 84 đường Đàm Quang Trung, khu đô thị Vĩnh Diêm Trung A, phường Tây Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa
Cửa hàng số 68 Hoàng Diệu - Nha Trang	Số 68 Hoàng Diệu, phường Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1, xã Suối Hiệp, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Tên đơn vị	Địa chỉ
Trung tâm giới thiệu sản phẩm Yến sào Sanvinest	Số 14 Trần Hưng Đạo, phường Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa
Cửa hàng Yến sào Suối Hiệp	Quốc lộ 1, xã Suối Hiệp, tỉnh Khánh Hòa
Trung tâm giới thiệu sản phẩm Yến sào Sanvinest	Lô TP4, cụm công nghiệp Sông Cầu, xã Khánh Vĩnh, tỉnh Khánh Hòa

6. Số lượng người lao động

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Công ty có 765 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 818 nhân viên).

7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ này.

Trong kỳ, Công ty lần đầu tiên áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính ("Thông tư 99") thay thế Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 200"). Theo đó, một số khoản mục trên Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được tái phân loại và đổi tên theo quy định mới. Số liệu cột "Số đầu năm" và cột "Kỳ trước" trên Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được trình bày lại theo cách phân loại và tên gọi mới của Thông tư 99 để đảm bảo tính so sánh được. Các thay đổi này không làm ảnh hưởng đến tổng giá trị tài sản, tổng nợ phải trả, vốn chủ sở hữu và lợi nhuận sau thuế của Công ty.

8. Thông tin khác

Cổ phiếu của Công ty đã được đăng ký giao dịch trên thị trường UPCoM (Hệ thống giao dịch chứng khoán chưa niêm yết) thuộc Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán "SKV" theo Quyết định số 896/QĐ-SGDHN ngày 27 tháng 10 năm 2017 của Sở Giao dịch Chứng khoán. Ngày giao dịch đầu tiên là ngày 03 tháng 11 năm 2017.

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam ("VND") do các giao dịch chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 ("Thông tư 99") và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1, xã Suối Hiệp, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp mới

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026 là năm đầu tiên Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp theo Thông tư 99 thay thế cho Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014.

Việc chuyển đổi sang Thông tư 99 được thực hiện theo các phương pháp sau:

- Đối với các thay đổi chính sách kế toán mà Thông tư 99 có hướng dẫn chuyển đổi cụ thể, Công ty thực hiện theo hướng dẫn đó.
- Đối với các thay đổi chính sách kế toán mà Thông tư 99 không có quy định phải điều chỉnh hồi tố hoặc hồi tố đơn giản, Công ty áp dụng phương pháp phi hồi tố.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban điều hành Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư 99 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN, ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN VÀ CÁC QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT CÓ LIÊN QUAN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền), theo nguyên tắc giá gốc và trên giả định hoạt động liên tục.

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán (trừ các khoản nợ phải thu có gốc ngoại tệ đã được trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi) được đánh giá lại theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính (nếu lãi) hoặc chi phí tài chính (nếu lỗ). Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được trình bày theo số thuần giữa tổng số lãi và tổng số lỗ do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính (nếu lãi) hoặc chi phí tài chính (nếu lỗ).

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi không kỳ hạn và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư (tính từ ngày mua đến ngày đáo hạn), có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro đáng kể trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo. Các khoản tiền và tương đương tiền bị hạn chế sử dụng không được trình bày tại chỉ tiêu này mà trình bày tại chỉ tiêu “Tài sản ngắn hạn khác” hoặc “Tài sản dài hạn khác” tùy theo thời hạn hạn chế sử dụng.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1, xã Suối Hiệp, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

hạn và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác hoặc có bản chất tương tự và không bao gồm các công cụ phái sinh.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua (phí giao dịch, hoa hồng môi giới,...). Lãi dồn tích từ kỳ trước tính đến ngày mua được ghi giảm trừ vào giá gốc của khoản đầu tư tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc. Thu nhập lãi sau ngày mua được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính trên cơ sở dự thu.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy, tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư. Trường hợp các bằng chứng tổn thất giảm đi hoặc không còn trong kỳ sau, phần tổn thất đã ghi nhận được hoàn nhập và ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ.

Các khoản đầu tư vào công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (chi phí giao dịch, môi giới, tư vấn, kiểm toán, lệ phí, thuế và phí ngân hàng,...). Riêng trường hợp Công ty vay vốn để đầu tư vào công ty con thì chi phí lãi vay được ghi nhận vào chi phí tài chính mà không được vốn hóa. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được theo dõi theo giá gốc.

Lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con được trích lập khi công ty con bị lỗ hoặc khoản đầu tư bị suy giảm giá trị dẫn đến Công ty có khả năng bị mất vốn. Mức trích lập bằng tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp (%) của Công ty tại công ty con tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán nhân (x) với phần chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các chủ sở hữu và vốn chủ sở hữu của công ty con tại cùng thời điểm.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1, xã Suối Hiệp, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng, kỳ hạn và nguyên tệ. Các khoản phải thu của khách hàng và phải thu khác được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tình hình tài chính căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có) hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chỉ bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, nguyên vật liệu phụ và chi phí vật tư.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng hoặc từng dịch vụ cung cấp dở dang có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm dự phòng tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

Vật tư, thiết bị, phụ tùng thay thế có thời gian dự trữ trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường và sản phẩm dở dang có thời gian sản xuất, luân chuyển vượt quá một chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường không được trình bày là hàng tồn kho mà được trình bày là tài sản dài hạn trên Báo cáo tình hình tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1, xã Suối Hiệp, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

7. Chi phí chờ phân bổ

Chi phí chờ phân bổ phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh (bao gồm các chi phí đã trả tiền trước và các chi phí chưa trả tiền trước) có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và được phân bổ vào chi phí sản xuất, kinh doanh của các kỳ kế toán có liên quan.

Chi phí chờ phân bổ được phân loại thành ngắn hạn (thời gian phân bổ không quá 12 tháng hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường) và dài hạn (thời gian phân bổ trên 12 tháng hoặc dài hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường) trên Báo cáo tình hình tài chính. Chi phí chờ phân bổ dài hạn không được tái phân loại thành chi phí chờ phân bổ ngắn hạn khi lập Báo cáo tài chính.

Việc phân bổ chi phí chờ phân bổ vào chi phí sản xuất, kinh doanh từng kỳ được Công ty thực hiện căn cứ vào tính chất, mức độ của từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp. Thời gian và phương pháp phân bổ các khoản chi phí chờ phân bổ của Công ty như sau:

Lợi thế kinh doanh

Lợi thế kinh doanh hình thành khi cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước được ghi nhận theo giá trị xác định trong Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp ngày 30 tháng 6 năm 2016. Lợi thế kinh doanh được phân bổ vào chi phí không quá 10 năm kể từ ngày Công ty hoạt động dưới hình thức Công ty cổ phần.

Chi phí thuê mặt bằng

Chi phí thuê mặt bằng trả trước thể hiện khoản tiền thuê đã trả cho mặt bằng đang sử dụng. Tiền thuê mặt bằng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã xuất dùng liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh trong nhiều kỳ kế toán được ghi nhận là chi phí chờ phân bổ và phân bổ vào chi phí sản xuất, kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng hữu ích ước tính (không quá 36 tháng).

8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ. Chi phí sửa chữa, bảo dưỡng thường xuyên tài sản cố định hữu hình được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ phát sinh. Đối với các tài sản cố định mà theo yêu cầu kỹ thuật phải được sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ, chi phí sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ phát sinh có giá trị lớn được ghi nhận là chi phí chờ phân bổ và phân bổ dần vào chi phí sản xuất, kinh doanh cho đến kỳ sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ tiếp theo.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian hữu dụng và phương pháp khấu hao được xem xét lại ít nhất vào cuối mỗi năm tài chính và điều chỉnh nếu cần thiết. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1, xã Suối Hiệp, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	06 – 20
Máy móc và thiết bị	06 – 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	06 – 08
Tài sản cố định khác	06

9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ, trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Thời gian hữu dụng và phương pháp khấu hao được xem xét lại ít nhất vào cuối mỗi năm tài chính và điều chỉnh nếu cần thiết.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất của Công ty bao gồm đất ở lâu dài và đất trồng cây lâu năm có thời hạn. Công ty không trích khấu hao đối với toàn bộ quyền sử dụng đất.

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 05 năm.

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt, bao gồm cả chi phí đi vay được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 - Chi phí đi vay ("VAS 16"). Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao cho đến khi hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng. Khi hoàn thành, toàn bộ chi phí được kết chuyển sang khoản mục phù hợp tùy theo mục đích sử dụng thực tế, bao gồm tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình, bất động sản đầu tư hoặc hàng tồn kho và được tính khấu hao/hao mòn từ thời điểm đưa vào sử dụng.

Chi phí nâng cấp, cải tạo tài sản cố định đang thực hiện được tập hợp riêng và khi hoàn thành được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định tương ứng.

Các chi phí sửa chữa, bảo dưỡng tài sản cố định phát sinh thường xuyên hàng kỳ để tài sản hoạt động bình thường được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ. Đối với các tài sản cố định theo

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1, xã Suối Hiệp, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

yêu cầu kỹ thuật phải được sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ, chi phí phát sinh được tập hợp riêng. Khi hoàn thành, chi phí được kết chuyển sang chi phí chờ phân bổ và phân bổ dần vào chi phí sản xuất, kinh doanh cho đến kỳ bảo dưỡng tiếp theo.

11. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh: các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có đủ chứng từ, hồ sơ, tài liệu kế toán; các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép; và các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh khác phải trích trước (như chi phí trong thời gian ngừng sản xuất theo mùa vụ, chi phí lãi vay phải trả).
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa, dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tình hình tài chính căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

12. Phải trả cổ tức, lợi nhuận

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi Công ty không có quyền từ chối nghĩa vụ chi trả cổ tức cho các cổ đông theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

Khi ghi nhận nghĩa vụ chi trả, cổ tức phải trả bằng tiền được hạch toán vào “Phải trả cổ tức, lợi nhuận” và được trình bày là nợ phải trả trên Báo cáo tình hình tài chính.

13. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn

Thặng dư vốn được ghi nhận bao gồm:

- Phần chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung.
- Chênh lệch giữa giá mua lại và giá bán tái phát hành cổ phiếu mua lại của chính mình.

Chi phí trực tiếp liên quan đến phát hành cổ phiếu thành công được ghi giảm thặng dư vốn. Chi phí phát hành cổ phiếu không thành công được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

14. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1, xã Suối Hiệp, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

15. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi Công ty hoàn thành nghĩa vụ thực hiện cam kết trong hợp đồng bằng việc chuyển giao quyền kiểm soát hàng hóa, thành phẩm cho khách hàng, đồng thời thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi Công ty hoàn thành nghĩa vụ thực hiện cam kết trong hợp đồng, đồng thời thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Lợi nhuận được chia

Lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận lợi nhuận từ hoạt động đầu tư. Đối với khoản đầu tư vào các đơn vị khác, thời điểm ghi nhận được xác định theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ của đơn vị nhận đầu tư. Chỉ phần lợi nhuận thuộc giai đoạn sau ngày đầu tư mới được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính, phần thuộc giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá gốc khoản đầu tư.

16. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các khoản này được theo dõi riêng và kết chuyển vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ để xác định doanh thu thuần trong kỳ báo cáo.

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1, xã Suối Hiệp, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán hoặc hàng bán bị trả lại, Công ty ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu các khoản giảm trừ phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: đây là sự kiện cần điều chỉnh phát sinh sau ngày lập Báo cáo tài chính và được ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo.
- Nếu các khoản giảm trừ phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: được ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

17. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ khi phát sinh, trừ khi đủ điều kiện được vốn hóa.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang, là tài sản cần có thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán, được tính vào giá trị của tài sản đó khi doanh nghiệp chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ tài sản đó và chi phí đi vay có thể xác định được một cách đáng tin cậy.

Việc vốn hóa chi phí đi vay bắt đầu khi đồng thời thỏa mãn cả ba điều kiện:

- Chi phí cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đã phát sinh;
- Chi phí đi vay đã phát sinh; và
- Các hoạt động cần thiết để chuẩn bị đưa tài sản vào sử dụng hoặc bán đang được tiến hành.

Việc vốn hóa tạm ngừng trong các giai đoạn quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất bị gián đoạn một cách bất thường. Việc vốn hóa chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết để chuẩn bị đưa tài sản vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

Đối với khoản vay riêng biệt phục vụ việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang, chi phí đi vay được vốn hóa là chi phí đi vay thực tế phát sinh trừ đi các khoản thu nhập phát sinh từ hoạt động đầu tư tạm thời của khoản vay này.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang, chi phí đi vay được vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa áp dụng cho chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

18. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế, được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa. Chi phí được ghi nhận ngay cả khi chưa đến kỳ hạn thanh toán nhưng có khả năng chắc chắn sẽ phát sinh nhằm đảm bảo nguyên tắc thận trọng và bảo toàn vốn.

Khi Công ty ghi nhận một khoản doanh thu thì phải ghi nhận một khoản chi phí tương ứng có liên quan đến việc tạo ra doanh thu đó. Chi phí tương ứng bao gồm chi phí của kỳ tạo ra doanh thu và chi phí của các kỳ trước hoặc chi phí phải trả nhưng liên quan đến doanh thu của kỳ đó. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1, xã Suối Hiệp, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

của giao dịch và các chuẩn mực kế toán Việt Nam để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

19. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chính sách kế toán thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty được thực hiện theo quy định của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 67/2025/QH15 ngày 14 tháng 6 năm 2025, Nghị định số 320/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, các văn bản hướng dẫn của Bộ Tài chính và các quy định pháp luật khác có liên quan. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập tính thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ, các khoản thu nhập không chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Hàng quý, Công ty xác định và ghi nhận số thuế thu nhập doanh nghiệp tạm phải nộp. Cuối năm tài chính, Công ty xác định số thuế thu nhập doanh nghiệp thực tế phải nộp theo tờ khai quyết toán và điều chỉnh chênh lệch so với số đã tạm ghi nhận trong năm.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời chịu thuế, trừ trường hợp phát sinh từ ghi nhận ban đầu của tài sản hay nợ phải trả trong một giao dịch không ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hay thu nhập chịu thuế tại thời điểm phát sinh.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ khi chắc chắn có đủ lợi nhuận chịu thuế trong tương lai để sử dụng các chênh lệch tạm thời đó, đồng thời được ghi nhận cho các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng khi có đủ lợi nhuận chịu thuế trong tương lai. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu thì không được phản ánh vào chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xem xét lại vào cuối mỗi kỳ kế toán và được giảm xuống trong phạm vi không còn chắc chắn có đủ lợi nhuận chịu thuế để thu hồi toàn bộ hoặc một phần tài sản thuế thu nhập hoãn lại.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên thuế suất và quy định thuế có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Khi lập Báo cáo tình hình tài chính, tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ với nhau khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1, xã Suối Hiệp, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

20. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung.

Các bên liên quan với Công ty bao gồm:

- Công ty mẹ, công ty con và các công ty con khác trong cùng tập đoàn.
- Các cá nhân có quyền biểu quyết trực tiếp hoặc gián tiếp dẫn đến ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, bao gồm các thành viên Hội đồng quản trị và những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.
- Các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát hoạt động của Công ty, bao gồm Ban điều hành, Ban kiểm soát, các thành viên quản lý khác và những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.
- Các doanh nghiệp mà các cá nhân thuộc các nhóm trên nắm giữ tỷ lệ biểu quyết (trực tiếp hoặc gián tiếp) đủ lớn để có thể gây ảnh hưởng đáng kể đến doanh nghiệp đó, bao gồm các doanh nghiệp được sở hữu bởi thành viên quản lý chủ chốt hoặc cổ đông chính của Công ty và các doanh nghiệp có chung thành viên quản lý chủ chốt với Công ty.

Thành viên mật thiết trong gia đình của một cá nhân là những người có thể chi phối hoặc bị chi phối bởi cá nhân đó khi giao dịch với Công ty, bao gồm: bố, mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị em ruột.

Giao dịch giữa các bên liên quan là việc chuyển giao các nguồn lực hay các nghĩa vụ giữa các bên liên quan, không xét đến việc có tính giá hay không.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

21. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Tính chất rủi ro và lợi ích kinh tế là căn cứ chủ yếu để xác định báo cáo bộ phận chính yếu được lập theo lĩnh vực kinh doanh hay khu vực địa lý. Nếu rủi ro và tỷ suất sinh lời bị tác động chủ yếu bởi sự khác biệt về sản phẩm và dịch vụ thì báo cáo chính yếu được lập theo lĩnh vực kinh doanh và báo cáo thứ yếu theo khu vực địa lý. Ngược lại, nếu rủi ro và tỷ suất sinh lời bị tác động chủ yếu bởi sự khác

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1, xã Suối Hiệp, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

biệt về khu vực địa lý thì báo cáo chính yếu được lập theo khu vực địa lý và báo cáo thứ yếu theo lĩnh vực kinh doanh. Cơ cấu tổ chức, quản lý và hệ thống báo cáo tài chính nội bộ của Công ty là cơ sở chính để xác định báo cáo bộ phận chính yếu hay thứ yếu.

Một bộ phận phải báo cáo khi phần lớn doanh thu có nguồn gốc từ bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài và đáp ứng ít nhất một trong các ngưỡng:

- Doanh thu của bộ phận chiếm từ 10% trở lên tổng doanh thu của tất cả các bộ phận.
- Kết quả kinh doanh của bộ phận chiếm từ 10% trở lên tổng kết quả kinh doanh của tất cả các bộ phận có lãi hoặc tổng kết quả kinh doanh của tất cả các bộ phận bị lỗ (tùy theo giá trị tuyệt đối nào lớn hơn).
- Tổng tài sản của bộ phận chiếm từ 10% trở lên tổng tài sản của tất cả các bộ phận.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	1.603.627.832	2.288.369.238
Tiền gửi không kỳ hạn	37.750.964.424	60.298.533.336
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	27.933.305.013	11.875.726.264
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	3.699.986.779	28.531.678.347
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	2.726.177.185	15.149.047.686
- Các ngân hàng khác	3.391.495.447	4.742.081.039
Các khoản tương đương tiền	20.000.000.000	26.686.585.889
- Tiền gửi có kỳ hạn 3 tháng tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	20.000.000.000	-
- Tiền gửi có kỳ hạn 1 tháng tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	-	26.686.585.889
Cộng	59.354.592.256	89.273.488.463

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty bao gồm đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tiền gửi có kỳ hạn	30.836.374.239	30.836.374.239	42.261.766.187	42.261.766.187
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa	-	-	41.401.710.767	41.401.710.767
- Ngân hàng TMCP Công	30.000.000.000	30.000.000.000	-	-

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1, xã Suối Hiệp, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
<i>Thương Việt Nam - Chi nhánh Lâm Đồng</i>				
- <i>Lãi tiền gửi có kỳ hạn dự thu</i>	836.374.239	836.374.239	860.055.420	860.055.420
Cho vay ⁽ⁱ⁾	23.000.000.000	23.000.000.000	26.000.000.000	26.000.000.000
Lãi cho vay dự thu	879.555.555	879.555.555	1.586.857.536	1.586.857.536
Cộng	54.715.929.794	54.715.929.794	69.848.623.723	69.848.623.723

- (i) Khoản cho Công ty TNHH MTV Cung ứng Vật tư Nguyên liệu Khánh Hòa (là bên liên quan) vay ngắn hạn, thời gian cho vay 12 tháng kể từ ngày cho vay, lãi suất cho vay từ 6,0% đến 8,0%/năm.

Tất cả các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn đều có khả năng thu hồi, không cần trích lập dự phòng. Không có biến động dự phòng các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn trong kỳ.

2b. Đầu tư vào công ty con

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Công ty TNHH MTV Cung ứng Vật tư Nguyên liệu Khánh Hòa ⁽ⁱⁱ⁾	9.000.000.000	9.000.000.000	9.000.000.000	9.000.000.000
Công ty TNHH MTV Nhà máy Nước giải khát cao cấp Yến sào Khánh Hòa ⁽ⁱⁱⁱ⁾	-	-	-	-
Công ty TNHH MTV Yến sào Sanvinest Việt Nam ^(iv)	-	-	-	-
Công ty TNHH MTV Yến sào Sanvinest Khánh Hòa ^(v)	-	-	-	-
Cộng	9.000.000.000	9.000.000.000	9.000.000.000	9.000.000.000

Tất cả các khoản đầu tư vào công ty con đều có khả năng thu hồi, không cần trích lập dự phòng. Không có biến động dự phòng các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn trong kỳ.

- (ii) Công ty TNHH MTV Cung ứng Vật tư Nguyên liệu Khánh Hòa hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4201767187 đăng ký thay đổi lần thứ ba ngày 07 tháng 5 năm 2026 do Sở tài chính tỉnh Khánh Hòa cấp với vốn điều lệ đăng ký là 9.000.000.000 VND do Công ty sở hữu 100% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán và tại ngày đầu năm, Công ty đã góp đủ vốn điều lệ đăng ký.
- (iii) Công ty TNHH MTV Nhà máy Nước giải khát cao cấp Yến sào Khánh Hòa hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4201770743 ngày 08 tháng 12 năm 2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp với vốn điều lệ đăng ký là 50.000.000.000 VND do Công ty sở hữu 100% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán và tại ngày đầu năm, Công ty chưa góp vốn điều lệ, vốn còn phải góp là 50.000.000.000 VND.
- (iv) Công ty TNHH MTV Yến sào Sanvinest Việt Nam hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4201815338 ngày 11 tháng 10 năm 2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp với vốn điều lệ đăng ký là 36.000.000.000 VND do Công ty sở hữu 100% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán và tại ngày đầu năm, Công ty chưa góp vốn điều lệ, vốn còn phải góp là 36.000.000.000 VND.

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1, xã Suối Hiệp, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

- (v) Công ty TNHH MTV Yến sào Sanvinest Khánh Hòa hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4201815419 ngày 11 tháng 10 năm 2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp với vốn điều lệ đăng ký là 36.000.000.000 VND do Công ty sở hữu 100% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán và tại ngày đầu năm, Công ty chưa góp vốn điều lệ, còn phải góp là 36.000.000.000 VND.

Giá trị có thể thu hồi

Khoản đầu tư vào công ty con không xác định được giá trị hợp lý, giá trị có thể thu hồi được xác định dựa trên vốn chủ sở hữu của bên được đầu tư theo tỷ lệ vốn góp, căn cứ vào Báo cáo tài chính riêng tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tình hình hoạt động của các công ty con

- Công ty TNHH MTV Cung ứng Vật tư Nguyên liệu Khánh Hòa hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.
- Các công ty con khác là: Công ty TNHH MTV Nhà máy Nước giải khát cao cấp Yến sào Khánh Hòa, Công ty TNHH MTV Yến sào Sanvinest Việt Nam, Công ty TNHH MTV Yến sào Sanvinest Khánh Hòa chưa hoạt động.

Giao dịch với công ty con

Giao dịch giữa Công ty với các công ty con được trình bày tại thuyết minh số VIII.1b.

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	57.872.662.888	-	140.082.500	-
Công ty TNHH Nhà nước MTV Yến sào Khánh Hòa	57.519.054.279	-	-	-
Công ty TNHH MTV Cung ứng Vật tư Nguyên liệu Khánh Hòa	235.774.000	-	84.451.700	-
Công ty TNHH MTV Sanest Khánh Hòa	58.780.800	-	55.630.800	-
Công ty Cổ phần Nước giải khát Sanna Khánh Hòa	59.053.809	-	-	-
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	10.919.992.139	-	13.485.768.452	-
Các khách hàng khác	10.919.992.139	-	13.485.768.452	-
Cộng	68.792.655.027	-	13.625.850.952	-

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty TNHH Thế giới NaVi Việt Nam	3.427.996.328	-
Công ty TNHH MTV Thiết bị PCCC&CNCH Khánh Hòa	2.478.000.000	2.478.000.000
Các nhà cung cấp khác	2.973.215.462	1.404.470.319
Cộng	8.879.211.790	3.882.470.319

Trong đó, khoản ứng trước để mua sắm, xây dựng tài sản cố định là 6.671.596.328 VND (số đầu năm là 3.163.138.455 VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1, xã Suối Hiệp, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**5. Phải thu ngắn hạn/dài hạn khác****5a. Phải thu ngắn hạn khác**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng
Phải thu các bên liên quan	4.185.331.791	-	2.414.355.728	-
Công ty TNHH MTV Cung ứng Vật tư Nguyên liệu Khánh Hòa - Lợi nhuận được chia	4.185.331.791	-	2.414.355.728	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	5.359.692.255	-	1.859.653.202	-
Tạm ứng	969.388.084	-	930.408.095	-
Thuế TNCN phải thu người lao động	1.076.823.507	-	-	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	3.313.480.664	-	929.245.107	-
Cộng	9.545.024.046	-	4.274.008.930	-

5b. Phải thu dài hạn khác

Phải thu dài hạn khác đầu năm là khoản ký quỹ thuê văn phòng.

6. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	235.649.142.960	-	198.043.608.262	-
Công cụ, dụng cụ	2.403.009.264	-	45.924.393.303	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	6.011.366.342	-	5.234.763.671	-
Thành phẩm	31.600.041.261	-	60.778.558.541	-
Hàng hóa	19.284.711.196	-	13.058.936.858	-
Hàng gửi đi bán	-	-	10.025.333.342	-
Cộng	294.948.271.023	-	333.065.593.977	-

7. Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn/dài hạn**7a. Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí thuê mặt bằng, bảng hiệu	189.444.444	58.228.781
Chi phí công cụ, dụng cụ	9.243.332	195.475.246
Các chi phí chờ phân bổ ngắn hạn khác	353.964.291	119.468.567
Cộng	552.652.067	373.172.594

7b. Chi phí chờ phân bổ dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Giá trị lợi thế kinh doanh	-	6.319.075.664
Chi phí công cụ, dụng cụ	3.455.396.018	3.548.325.797
Chi phí thuê mặt bằng, văn phòng	27.983.019.943	25.662.337.194
Các chi phí chờ phân bổ dài hạn khác	1.171.516.977	2.039.650.645
Cộng	32.609.932.938	37.569.389.300

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1, xã Suối Hiệp, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

8. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	75.010.368.617	136.305.902.243	25.309.245.878	2.254.413.885	623.151.018	239.503.081.641
Mua trong kỳ	-	973.040.000	-	74.074.074	298.481.481	1.345.595.555
Đầu tư xây dựng hoàn thành	4.169.488.797	-	-	735.407.413	-	4.904.896.210
Phân loại lại	-	-	-	(258.477.273)	-	(258.477.273)
Thanh lý	-	-	(210.942.856)	-	-	(210.942.856)
Số cuối kỳ	79.179.857.414	137.278.942.243	25.098.303.022	2.805.418.099	921.632.499	245.284.153.277
<i>Trong đó:</i>						
Đã khấu hao hết vẫn còn sử dụng	9.856.673.488	39.826.592.731	11.674.814.045	34.763.636	-	61.392.843.900
Chờ thanh lý	447.072.728	7.469.298.074	913.650.658	138.016.364	-	8.968.037.824
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số đầu năm	21.016.944.011	95.988.636.675	20.390.557.649	1.157.618.074	316.757.434	138.870.513.843
Khấu hao trong kỳ	3.010.648.336	7.717.587.546	1.669.829.240	175.696.389	82.245.829	12.656.007.340
Phân loại lại	(597.652.946)	(3.069.487.706)	3.112.825.828	531.443.368	(204.954.669)	(227.826.125)
Thanh lý	-	-	(210.942.856)	-	-	(210.942.856)
Số cuối kỳ	23.429.939.401	100.636.736.515	24.962.269.861	1.864.757.831	194.048.594	151.087.752.202
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	53.993.424.606	40.317.265.568	4.918.688.229	1.096.795.811	306.393.584	100.632.567.798
Số cuối kỳ	55.749.918.013	36.642.205.728	136.033.161	940.660.268	727.583.905	94.196.401.075
<i>Trong đó:</i>						
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-

Danh mục tài sản cố định hữu hình tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Nhà máy Nước giải khát Cao cấp Yến sào Khánh Hòa (KCN Sông Cầu)	56.323.687.517	8.012.184.969	48.311.502.548
Bể xử lý nước thải	18.537.520.370	15.756.892.299	2.780.628.071
Các tài sản cố định hữu hình khác	170.422.945.390	127.318.674.934	43.104.270.456
Cộng	245.284.153.277	151.087.752.202	94.196.401.075

Tài sản cố định thanh lý là phương tiện vận tải đã khấu hao hết, giá trị thanh lý là 0 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1, xã Suối Hiệp, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**9. Tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	5.435.571.000	225.000.000	5.660.571.000
Đầu tư xây dựng hoàn thành	-	600.000.000	600.000.000
Phân loại lại	-	258.477.273	258.477.273
Số cuối kỳ	5.435.571.000	1.083.477.273	6.519.048.273
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết vẫn còn sử dụng	-	483.477.273	483.477.273
Chờ thanh lý			
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số đầu năm	-	225.000.000	225.000.000
Khấu hao trong kỳ	-	66.365.433	66.365.433
Phân loại lại	-	227.826.125	227.826.125
Số cuối kỳ	-	519.191.558	519.191.558
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	5.435.571.000	-	5.435.571.000
Số cuối kỳ	5.435.571.000	564.285.715	5.999.856.715
<i>Trong đó:</i>			
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

Danh mục tài sản cố định vô hình tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 341, thôn Cur Thạnh, xã Suối Hiệp, tỉnh Khánh Hòa	3.257.968.000	-	3.257.968.000
Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 187, thôn Vĩnh Diêm Thượng, phường Tây Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa	2.177.603.000	-	2.177.603.000
Các chương trình phần mềm máy tính	1.083.477.273	519.191.558	564.285.715
Cộng	6.519.048.273	519.191.558	5.999.856.715

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ	Kết chuyển giảm khác	Số cuối kỳ
Mua sắm tài sản cố định	-	2.408.181.818	-	-	2.408.181.818
Xây dựng cơ bản dở dang	24.901.927.124	9.121.929.994	(5.504.896.210)	(332.520.969)	28.186.439.939
- Nhà máy Nước giải khát cao cấp Yến sào Khánh Hòa (giai đoạn 2)	21.871.508.023	1.995.927.975	(470.924.755)	-	23.396.511.243
- Dự án Nhà Truyền thống tại CCNSC	1.869.044.598	1.941.432.592	(3.698.564.042)	(111.913.148)	-

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1, xã Suối Hiệp, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ	Kết chuyển giảm khác	Số cuối kỳ
- Chương trình phần mềm máy tính Navi World	849.776.928	3.796.207.906	-	(157.453.706)	4.488.531.128
- Các công trình khác	311.597.575	1.388.361.521	(1.335.407.413)	(63.154.115)	301.397.568
Cộng	24.901.927.124	11.530.111.812	(5.504.896.210)	(332.520.969)	30.594.621.757

11. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	60.057.936.694	39.526.156.973
Công ty TNHH Nhà Nước MTV Yến sào Khánh Hòa	1.113.558.964	19.796.050.270
Công ty Cổ phần Nước giải khát Sanest Khánh Hòa	52.603.464.295	15.877.691.600
Công ty TNHH MTV Cung ứng Vật tư Nguyên liệu Khánh Hòa	5.731.614.052	2.886.079.711
Công ty Cổ phần Nước giải khát Sanna Khánh Hòa	609.299.383	966.335.392
Phải trả các nhà cung cấp khác	53.925.077.027	88.479.331.930
Công ty TNHH NHT	12.061.450.327	7.768.570.038
Hanil Can Company Limited	-	16.297.124.407
Các nhà cung cấp khác	41.863.626.700	64.413.637.485
Cộng	113.983.013.721	128.005.488.903

Trong đó, khoản phải trả người bán về mua sắm, xây dựng tài sản cố định là 199.910.000 VND (số đầu năm là 29.689.200 VND).

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

12. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Trả trước của các bên liên quan	-	31.822.543.020
Công ty TNHH Nhà nước MTV Yến sào Khánh Hòa	-	31.822.543.020
Trả trước của các khách hàng khác	600.904.924	272.217.753
Các khách hàng khác	600.904.924	272.217.753
Cộng	600.904.924	32.094.760.773

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	2.632.117.568	32.345.345.092	(34.932.720.616)	-	5.219.493.092
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	2.926.266.294	(2.926.266.294)	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	4.892.307.126	14.214.726.436	(14.559.791.788)	-	5.237.372.478
Thuế thu nhập cá nhân	-	809.697.281	3.120.151.381	(1.745.469.128)	564.984.972	-
Thuế tài nguyên	-	-	7.227.750	(7.227.750)	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	318.995.750	(318.995.750)	-	-
Cộng	-	8.334.121.975	52.932.712.703	(54.490.471.326)	564.984.972	10.456.865.570

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1, xã Suối Hiệp, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Toàn bộ nghĩa vụ thuế và các khoản phải nộp Nhà nước khác được thanh toán trong ngắn hạn.

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất như sau:

- Hàng xuất khẩu : 0%
- Đường phèn, đường kết tinh, nước sạch : 5%
- Hàng hóa khác : 10%

Trong 9 tháng đầu năm 2026, thuế suất giá trị gia tăng của một số mặt hàng, dịch vụ chịu thuế 10% giảm xuống còn 8% theo Nghị định 174/2025/NĐ-CP ngày 30/06/2025 của Chính phủ.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	66.252.404.542	63.435.330.302
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	9.006.559.427	439.411.390
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế	75.258.963.969	63.874.741.692
Thu nhập được miễn thuế	(4.185.331.791)	(1.838.022.118)
Thu nhập tính thuế	71.073.632.178	62.036.719.574
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông	14.214.726.436	12.407.343.915
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước	-	314.729.742
Tổng thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	14.214.726.436	12.722.073.657

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

14. Phải trả người lao động

Tiền lương còn phải trả cho người lao động.

15. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí phải trả của các dự án đầu tư xây dựng	3.795.670.177	4.195.670.177

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1, xã Suối Hiệp, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Các chi phí phục vụ hoạt động bán hàng	1.880.000.000	2.873.658.606
Chi phí vận chuyển	2.000.000.000	187.282.418
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	5.406.079.201	400.000.000
Cộng	13.081.749.378	7.656.611.201

16. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tài sản thừa chờ giải quyết	1.923.314.075	-
Kinh phí công đoàn	2.835.950.977	2.338.818.221
Quỹ ủng hộ	1.860.014.850	1.340.530.850
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	1.735.926.329	307.876.190
Cộng	8.355.206.231	3.987.225.261

Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

17. Vay ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Nha Trang ⁽ⁱ⁾	-	15.735.916.088
Vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa ⁽ⁱⁱ⁾	96.651.098.076	74.268.049.033
Vay Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa ⁽ⁱⁱⁱ⁾	-	8.320.729.076
Cộng	96.651.098.076	98.324.694.197

(i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Nha Trang để bổ sung vốn lưu động, thời hạn cho vay tối đa 6 tháng, lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ, kỳ hạn trả lãi vào ngày 26 hàng tháng, trả gốc một lần khi đến hạn.

(ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa để bổ sung vốn lưu động, thời hạn cho vay tối đa 4 tháng theo từng giấy nhận nợ, lãi suất cho vay theo từng giấy nhận nợ. Kỳ hạn trả lãi vào ngày 26 hàng tháng, trả gốc một lần khi đến hạn.

(iii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa để bổ sung vốn lưu động, thời hạn cho vay tối đa 5 tháng theo từng giấy nhận nợ, lãi suất cho vay theo từng giấy nhận nợ. Kỳ hạn trả lãi vào ngày 5 hàng tháng, trả gốc một lần khi đến hạn.

Các khoản vay trên không có tài sản thế chấp.

Phát sinh về khoản vay ngắn hạn trong kỳ như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	98.324.694.197	183.352.833.967
Số tiền vay phát sinh	259.643.165.441	446.303.153.053
Số tiền vay đã trả	(261.316.761.562)	(414.533.530.597)
Số cuối kỳ	96.651.098.076	215.122.456.423

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1, xã Suối Hiệp, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Công ty không có các khoản vay và nợ quá hạn chưa thanh toán.

18. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Phát sinh trong kỳ như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	4.881.006.010	6.619.711.132
Tăng do trích từ lợi nhuận	8.048.861.251	7.437.061.490
Nhận khen thưởng	1.400.000	-
Chi quỹ trong kỳ	(9.935.663.639)	(6.710.030.651)
Số cuối kỳ	2.995.603.622	7.346.741.971

19. Vốn chủ sở hữu**19a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	230.000.000.000	3.350.161.370	72.072.450.013	63.374.101.450	368.796.712.833
Trích quỹ đầu tư phát triển từ lợi nhuận năm 2024	-	-	12.395.102.483	(12.395.102.483)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận năm 2024	-	-	-	(6.197.551.242)	(6.197.551.242)
Trích quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành từ lợi nhuận năm 2024	-	-	-	(1.239.510.248)	(1.239.510.248)
Chia cổ tức năm 2024	-	-	-	(42.090.000.000)	(42.090.000.000)
Lợi nhuận trong kỳ trước	-	-	-	50.713.256.645	50.713.256.645
Số dư cuối kỳ trước	230.000.000.000	3.350.161.370	84.467.552.496	52.165.194.122	369.982.907.988
Số dư đầu năm nay	230.000.000.000	3.350.161.370	84.467.552.496	68.525.781.236	386.343.495.102
Trích quỹ đầu tư phát triển từ lợi nhuận năm 2025	-	-	13.414.768.752	(13.414.768.752)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận năm 2025	-	-	-	(6.707.384.376)	(6.707.384.376)
Trích quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành từ lợi nhuận năm 2025	-	-	-	(1.341.476.875)	(1.341.476.875)
Chia cổ tức năm 2025	-	-	-	(45.540.000.000)	(45.540.000.000)
Lợi nhuận trong kỳ này	-	-	-	52.037.678.106	52.037.678.106
Số dư cuối kỳ này	230.000.000.000	3.350.161.370	97.882.321.248	53.559.829.339	384.792.311.957

19b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

Chi tiết góp vốn theo cổ đông lớn như sau:

Số cuối kỳ	Số đầu năm
------------	------------

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1, xã Suối Hiệp, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH Nhà Nước MTV Yến sào Khánh Hòa	117.300.000.000	117.300.000.000
Các cổ đông khác	112.700.000.000	112.700.000.000
Cộng	230.000.000.000	230.000.000.000

19c. Cổ phiếu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	23.000.000	23.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	23.000.000	23.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	23.000.000	23.000.000

Toàn bộ là cổ phiếu phổ thông. Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

19d. Phân phối lợi nhuận

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 ngày 24 tháng 4 năm 2026 đã thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2025 của Công ty tại Nghị quyết số 06/2026/NQ-ĐHĐCĐ-SKV ngày 24 tháng 4 năm 2026 như sau:

	<u>Số tiền (VND)</u>
• Trích quỹ đầu tư phát triển	: 13.414.768.752
• Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	: 6.707.384.376
• Trích thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Quỹ thưởng Ban điều hành	: 1.341.476.875
• Chia cổ tức	: 45.540.000.000

20. Các khoản mục ngoài Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tiền chỉ có 153,011.83 USD (số đầu năm là 12,536.96 USD).

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	<u>Quý 3</u>		<u>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bán hàng hóa	58.029.782.491	13.207.489.592	179.879.386.140	106.249.882.850
Doanh thu bán thành phẩm	205.780.034.144	205.872.833.328	863.677.777.017	788.499.543.609
Doanh thu khác	-	20.794.000	54.545.455	94.250.364
Cộng	263.809.816.635	219.101.116.920	1.043.611.708.612	894.843.676.823

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan được trình bày tại thuyết minh số VIII.1b.

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1, xã Suối Hiệp, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

2. Giá vốn hàng bán

	Quý 3		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa	51.503.201.513	25.474.489.782	161.105.222.912	100.723.516.313
Giá vốn của thành phẩm	167.995.329.130	155.334.690.936	705.802.066.050	619.474.550.065
Giá vốn khác	-	30.614.000	-	30.614.000
Cộng	219.498.530.643	180.839.794.718	866.907.288.962	720.228.680.378

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Quý 3		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi ngân hàng	261.484.727	460.610.317	2.955.387.636	2.073.986.794
Lãi tiền cho vay	-	-	879.555.555	798.657.535
Lợi nhuận được chia	1.956.671.764	551.640.811	4.185.331.791	1.838.022.118
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	51.276.594	64.094.016	54.921.594	248.409.951
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	-	-	6.853	-
Cộng	2.269.433.085	1.076.345.144	8.075.203.429	4.959.076.398

4. Chi phí tài chính

	Quý 3		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Chi phí đi vay - Lãi vay	1.799.059.938	2.159.180.049	5.241.654.475	5.754.317.600
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	6.607.641	-	191.989.107	754.653.888
Cộng	1.805.667.579	2.159.180.049	5.433.643.582	6.508.971.488

5. Chi phí bán hàng

	Quý 3		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	3.538.192.413	3.854.458.900	14.675.081.605	13.034.047.627
Chi phí vật liệu, bao bì	27.185.042	42.940.769	140.537.128	336.034.303
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	262.592.742	196.561.261	1.003.137.983	1.016.165.550
Chi phí khấu hao tài sản cố định	310.962.827	266.954.885	896.383.608	828.926.741
Chi phí dịch vụ mua ngoài	13.201.502.849	5.106.258.222	44.668.071.350	29.165.757.753
Các chi phí khác	2.514.675.312	4.722.776.256	11.068.891.823	25.287.510.259
Cộng	19.855.111.185	14.189.950.293	72.452.103.497	69.668.442.233

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Quý 3		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	7.765.168.483	7.707.025.822	31.768.091.919	27.182.952.770

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1, xã Suối Hiệp, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Quý 3		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Chi phí vật liệu quản lý, đồ dùng văn phòng	354.162.726	363.197.945	1.278.677.253	1.323.209.441
Chi phí khấu hao tài sản cố định	228.102.644	413.684.997	1.037.305.820	1.244.383.151
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.618.309.598	1.485.518.053	7.652.283.580	9.429.196.906
Các chi phí khác	397.337.148	193.561.937	1.189.020.988	736.660.349
Cộng	11.363.080.599	10.162.988.754	42.925.379.560	39.916.402.617

7. Thu nhập khác

	Quý 3		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Vật tư thừa kiểm kê	1.942.114.523	22.403.356	2.352.337.135	368.206.456
Thu nhập khác	723.600	13.205.691	6.983.600	26.278.731
Cộng	1.942.838.123	35.609.047	2.359.320.735	394.485.187

8. Chi phí khác

	Quý 3		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Các khoản chi phí khác	27.080.078	59.225.234	75.412.633	439.411.390
Cộng	27.080.078	59.225.234	75.412.633	439.411.390

9. Lãi trên cổ phiếu

Lãi trên cổ phiếu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Quý 3		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Giá mua hàng hóa	51.503.201.513	25.474.489.782	161.105.222.912	100.723.516.313
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	128.699.322.084	113.709.616.797	558.396.633.765	494.145.469.704
Chi phí nhân công	43.257.278.555	41.460.035.607	175.029.606.843	142.051.301.744
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.496.955.852	4.246.630.017	12.722.372.773	12.765.121.772
Chi phí dịch vụ mua ngoài	19.846.703.872	13.927.213.096	62.771.774.824	52.645.534.814
Chi phí khác	2.913.260.551	6.374.748.466	12.259.160.902	27.482.580.881
Cộng	250.716.722.427	205.192.733.765	982.284.772.019	829.813.525.228

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến Báo cáo lưu chuyển tiền tệ trong tương lai

Trong kỳ, Công ty đã mua bằng cách nhận nợ một số tài sản cố định trị giá 199.910.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1, xã Suối Hiệp, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. *Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không có các khoản công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Tổng tiền lương/thù lao của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Chức danh	Tiền lương	Thưởng	Thù lao	Cộng thu nhập
9 tháng đầu năm 2026					
Ông Lê Đức Tiến	Chủ tịch Hội đồng quản trị - Bổ nhiệm ngày 24/04/2026	-	-	41.800.000	41.800.000
Ông Nguyễn Khoa Bảo	Chủ tịch Hội đồng quản trị - Miễn nhiệm ngày 24/04/2026	-	333.767.000	64.900.000	398.667.000
Bà Vương Phạm Phương Thanh	Thành viên Hội đồng quản trị	-	255.329.000	84.980.000	340.309.000
Ông Huỳnh Đức Trọng	Thành viên Hội đồng quản trị	-	75.076.000	83.420.000	158.496.000
Ông Lê Hồng Thuận	Thành viên Hội đồng quản trị - Miễn nhiệm ngày 24/04/2026	-	124.200.000	50.740.000	174.940.000
Bà Phan Thị Giang	Tổng giám đốc	490.200.000	321.604.000	-	811.804.000
Ông Phạm Quốc Hùng	Phó Tổng Giám đốc	421.272.000	218.215.000	-	639.487.000
Bà Phạm Thị Thu Huyền	Phó Tổng Giám đốc - Bổ nhiệm ngày 24/04/2026	415.872.000	241.053.000	-	656.925.000
Bà Huỳnh Thị Trần Lê	Trưởng ban Ban kiểm soát - Bổ nhiệm ngày 24/04/2026	-	-	35.364.000	35.364.000
Bà Vũ Trần Nguyên Minh	Trưởng ban Ban kiểm soát - Miễn nhiệm ngày 24/04/2026	-	291.866.000	55.199.000	347.065.000
Ông Hồ Hải	Thành viên Ban kiểm soát	-	49.700.000	75.660.000	125.360.000
Ông Phạm Duy Hưng	Thành viên Ban kiểm soát	147.725.743	111.829.000	69.030.000	328.584.743
Bà Phạm Thị Duy Trinh	Kế toán trưởng	373.350.000	183.228.000	-	556.578.000
Cộng		1.848.419.743	2.205.867.000	561.093.000	4.615.379.743

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1, xã Suối Hiệp, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Chức danh	Tiền lương	Thưởng	Thù lao	Cộng thu nhập
9 tháng đầu năm 2025					
Ông Nguyễn Khoa Bảo	Chủ tịch Hội đồng quản trị	-	65.400.000	91.850.000	157.250.000
Bà Phan Thị Giang	Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc - Bổ nhiệm ngày 17/04/2025	430.860.000	119.004.000	-	549.864.000
Bà Vương Phạm Phương Thanh	Thành viên Hội đồng quản trị	-	58.800.000	72.210.000	131.010.000
Ông Lê Hồng Thuận	Thành viên Hội đồng quản trị	-	-	71.810.000	71.810.000
Ông Huỳnh Đức Trọng	Thành viên Hội đồng quản trị	-	56.400.000	71.810.000	128.210.000
Đặng Minh Thích	Phó Tổng Giám đốc - Miễn nhiệm ngày 17/03/2025	123.900.000	83.184.000	-	207.084.000
Ông Phạm Quốc Hùng	Phó Tổng Giám đốc	369.489.000	105.610.000	-	475.099.000
Bà Phạm Thị Thu Huyền	Phó Tổng Giám đốc	369.489.000	88.335.000	-	457.824.000
Bà Vũ Trần Nguyễn Minh	Trưởng ban Ban kiểm soát	293.040.000	109.926.000	19.828.000	422.794.000
Ông Hồ Hải	Thành viên Ban kiểm soát	-	-	65.130.000	65.130.000
Ông Phạm Duy Hưng	Thành viên Ban kiểm soát	144.934.000	61.565.000	65.130.000	271.629.000
Bà Phạm Thị Duy Trinh	Kế toán trưởng	323.242.000	84.296.000	-	407.538.000
Cộng		2.054.954.000	832.520.000	457.768.000	3.345.242.000

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty TNHH Nhà Nước MTV Yến sào Khánh Hòa	Công ty mẹ, sở hữu 51% vốn điều lệ
Công ty TNHH MTV Cung ứng Vật tư Nguyên liệu Khánh Hòa	Công ty con, Công ty sở hữu 100% vốn điều lệ
Công ty TNHH MTV Nhà máy Nước giải khát cao cấp Yến sào Khánh Hòa	Công ty con, Công ty sở hữu 100% vốn điều lệ
Công ty TNHH MTV Yến sào Sanvinest Việt Nam	Công ty con, Công ty sở hữu 100% vốn điều lệ
Công ty TNHH MTV Yến sào Sanvinest Khánh Hòa	Công ty con, Công ty sở hữu 100% vốn điều lệ
Công ty Cổ phần Nước giải khát Sanest Khánh Hòa	Công ty do Công ty TNHH Nhà Nước MTV Yến sào Khánh Hòa sở hữu 51,06% vốn điều lệ
Công ty TNHH MTV Sanest Khánh Hòa	Công ty do Công ty Cổ phần Nước giải khát Sanest Khánh Hòa sở hữu 100% vốn điều lệ
Công ty Cổ phần Nước giải khát Sanna Khánh Hòa	Công ty do Công ty TNHH Nhà Nước MTV Yến sào Khánh Hòa sở hữu 51% vốn điều lệ
Công ty Cổ phần Du lịch Thương mại Nha Trang	Công ty có cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty TNHH MTV Nuôi trồng Thủy sản Fishsan ⁽ⁱ⁾	Công ty do Công ty TNHH Nhà Nước MTV Yến sào Khánh Hòa sở hữu 100% vốn điều lệ
Công ty TNHH MTV Thiết kế Xây dựng Sanatech Land ⁽ⁱ⁾	Công ty do Công ty TNHH Nhà Nước MTV Yến sào Khánh Hòa sở hữu 100% vốn điều lệ
Công ty TNHH MTV Du lịch Sanest Tourist ⁽ⁱ⁾	Công ty do Công ty TNHH Nhà Nước MTV Yến sào Khánh Hòa sở hữu 100% vốn điều lệ
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Tuyển Bắc Nam ⁽ⁱ⁾	Công ty do Công ty TNHH Nhà Nước MTV Yến sào Khánh Hòa sở hữu 100% vốn điều lệ
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Du lịch và Nhà hàng Yến sào Khánh Hòa Lâm Đồng ⁽ⁱ⁾	Công ty do Công ty TNHH Nhà Nước MTV Yến sào Khánh Hòa sở hữu 100% vốn điều lệ

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1, xã Suối Hiệp, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty TNHH MTV Quảng bá sản phẩm và Nhà hàng Yến sào Khánh Hòa ⁽ⁱ⁾	Công ty do Công ty TNHH Nhà Nước MTV Yến sào Khánh Hòa sở hữu 100% vốn điều lệ
Công ty TNHH MTV Nhà hàng Yến sào Khánh Hòa ⁽ⁱ⁾	Công ty do Công ty TNHH Nhà Nước MTV Yến sào Khánh Hòa sở hữu 100% vốn điều lệ

- (i) Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ, các Công ty này đã giải thể.

Giao dịch với các bên liên quan khác

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH Nhà Nước MTV Yến sào Khánh Hòa		
Cổ tức phải trả	23.225.400.000	21.465.900.000
Công ty chi trả cổ tức	23.225.400.000	21.465.900.000
Công ty mua nguyên liệu, hàng hóa	72.276.354.657	116.947.498.923
Chi phí thuê đất, thuê kho và chi phí sử dụng dịch vụ khác	2.403.161.352	11.059.218.113
Chi phí bán hàng	-	7.369.605.198
Công ty thanh toán tiền hàng	23.172.487.559	12.023.696.618
Bù trừ công nợ mua hàng và phải thu bán hàng	75.619.080.358	134.078.901.896
Doanh thu bán thành phẩm, hàng hóa	687.060.084.307	581.292.175.141
Thu tiền bán hàng	594.535.983.089	599.266.319.180
Nộp hộ tiền thuế sử dụng đất	19.242.143	48.105.358
Công ty TNHH MTV Cung ứng Vật tư Nguyên liệu Khánh Hòa		
Lợi nhuận được chia	4.185.331.791	1.838.022.118
Công ty nhận lợi nhuận được chia	2.414.355.728	2.230.719.590
Công ty cho vay	9.000.000.000	12.000.000.000
Công ty thu hồi gốc vay	12.000.000.000	15.500.000.000
Lãi cho vay được nhận	879.555.555	798.657.535
Thu tiền lãi cho vay	1.586.857.536	1.635.216.439
Công ty bán hàng hóa và thành phẩm	1.314.091.035	1.190.907.576
Doanh thu cho thuê xưởng	54.545.455	54.545.455
Công ty thu tiền bán hàng	1.331.100.584	3.941.372.514
Công ty mua nguyên vật liệu và hàng hóa, sử dụng dịch vụ	25.317.596.486	44.478.215.165
Công ty thanh toán tiền hàng	24.499.292.062	11.229.733.661
Công ty Cổ phần Nước giải khát Sanest Khánh Hòa		
Công ty mua nguyên liệu, hàng hóa	152.808.028.112	77.410.071.700
Thanh toán bằng tiền	15.458.088.000	3.000.000.000
Bù trừ công nợ	113.219.137.505	84.533.761.012
Doanh thu bán thành phẩm, hàng hóa	104.430.718.750	78.316.516.400

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1, xã Suối Hiệp, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH MTV Sanest Khánh Hòa		
Công ty mua nguyên vật liệu và hàng hóa	5.061.015	-
Công ty thanh toán tiền hàng	5.465.900	-
Doanh thu bán thành phẩm, hàng hóa	659.967.298	817.606.700
Thu tiền bán hàng	709.746.684	740.973.960
Công ty Cổ phần Nước giải khát Sanna Khánh Hòa		
Công ty mua nguyên liệu, hàng hóa	1.410.292.238	1.109.047.450
Thanh toán bằng tiền	1.816.343.491	1.085.330.475
Doanh thu bán thành phẩm, hàng hóa	115.523.438	88.238.658
Thu tiền bán hàng	3.974.400	1.085.330.475
Bù trừ công nợ	66.154.080	-
Công ty TNHH MTV Du lịch Sanest Tourist		
Công ty mua hàng hóa, dịch vụ	-	72.465.105
Thanh toán bằng tiền	-	349.097.500
Doanh thu bán thành phẩm, hàng hóa	-	101.650.800
Thu tiền bán hàng	-	109.782.864
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Tuyển Bắc Nam		
Công ty mua nhiên liệu xăng, dầu	-	3.885.447.200
Công ty thanh toán tiền hàng	-	6.034.863.435
Doanh thu bán thành phẩm, hàng hóa	-	668.196.000
Công ty thu tiền bán hàng	-	721.651.680
Công ty TNHH MTV Quảng bá sản phẩm và Nhà hàng Yến sào Khánh Hòa		
Chi phí sử dụng dịch vụ	-	162.350.698
Mua hàng hóa	-	175.755.000
Doanh thu bán thành phẩm, hàng hóa	-	721.221.800
Thu tiền bán hàng	-	564.066.288
Công ty TNHH MTV Nhà hàng Yến sào Khánh Hòa		
Chi phí sử dụng dịch vụ	-	23.240.100
Thanh toán bằng tiền	-	41.883.718
Doanh thu bán thành phẩm, hàng hóa	-	1.873.488.000
Thu tiền bán hàng	-	152.667.720
Công ty TNHH MTV Nuôi trồng Thủy sản Fishsan		
Mua hàng hóa, nguyên liệu	-	25.965.700
Doanh thu bán thành phẩm, hàng hóa	-	618.880.000
Công ty thu tiền bán hàng	-	640.347.444

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1, xã Suối Hiệp, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Du lịch và Nhà hàng Yến sào Khánh Hòa Lâm Đồng		
Mua hàng hóa, nguyên liệu	-	38.781.220
Công ty thanh toán tiền hàng	-	41.883.718

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.2a, V.3, V.4, V.5, V.11 và V.12.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

2. Thông tin về bộ phận

Công ty chỉ hoạt động trong một lĩnh vực kinh doanh là chế biến các sản phẩm và thực phẩm chức năng từ Yến sào và trong một khu vực địa lý là Việt Nam.

3. Số liệu so sánh

Áp dụng chế độ/quy định kế toán mới

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026 là năm đầu tiên Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp theo Thông tư 99 thay thế cho Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014.

Việc chuyển đổi sang Thông tư 99 được thực hiện theo các phương pháp sau:

- Đối với các thay đổi chính sách kế toán mà Thông tư 99 có hướng dẫn chuyển đổi cụ thể, Công ty thực hiện theo hướng dẫn đó.
- Đối với các thay đổi chính sách kế toán mà Thông tư 99 không có quy định phải điều chỉnh hồi tố hoặc hồi tố đơn giản, Công ty áp dụng phương pháp phi hồi tố.

Ảnh hưởng của việc áp dụng chế độ/quy định kế toán mới đến số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính giữa niên độ như sau:

	Mã số	Số liệu trước điều chỉnh	Các điều chỉnh	Số liệu sau điều chỉnh	Ghi chú
Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ					
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	123	41.401.710.767	28.446.912.956	69.848.623.723	(i)
Phải thu ngắn hạn khác	135	6.720.921.886	(2.446.912.956)	4.274.008.930	(i)
Phải thu về cho vay ngắn hạn	136	26.000.000.000	(26.000.000.000)	-	(i)
Phải trả cổ tức, lợi nhuận	313	-	2.862.581	2.862.581	(ii)
Phải trả ngắn hạn khác	320	3.988.698.748	(1.473.487)	3.987.225.261	(iii)
Nguồn kinh phí	431	1.389.094	(1.389.094)	-	(iv)

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1, xã Suối Hiệp, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

(i) Các điều chỉnh bao gồm:

	Số tiền (VND)
Phân loại khoản cho vay ngắn hạn sang chỉ tiêu Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	26.000.000.000
Phân loại từ lãi cho vay dự thu sang Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	2.446.912.956
Cộng	28.446.912.956

(ii) Phân loại lại cổ tức phải trả.

(iii) Các điều chỉnh bao gồm:

	Số tiền (VND)
Phân loại cổ tức phải trả sang chỉ tiêu Phải trả cổ tức, lợi nhuận (ii)	(2.862.581)
Phân loại Nguồn kinh phí sang chỉ tiêu Phải trả ngắn hạn khác (iv)	1.389.094
Cộng	(1.473.487)

(iv) Phân loại lại số dư nguồn kinh phí sang khoản phải trả khác.

4. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Từ ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày Báo cáo tài chính được phê duyệt phát hành, không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Phê duyệt, ngày 28 tháng 10 năm 2026

Phạm Thị Duy Trinh
Người lập biểu/Kế toán trưởng

Phan Thị Giang
Tổng Giám đốc



Lê Đức Tiến
Chủ tịch Hội đồng quản trị
Người đại diện theo pháp luật

